

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 314/2021/HS-PT

Ngày: 10 - 12 - 2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú;

Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 301/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Y N Êban (Ama L). Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Tr**; sinh năm 1976, tại tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: Thôn 01, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Mạnh N và bà Thiệu Thị M; bị cáo có vợ là Trần Thị M1, có 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2020 đến ngày 05/02/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại – Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Y N Êban** (tên gọi khác: Ama L); sinh năm 1979, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Ê Đê; con ông Y T Mlô (đã chết) và bà H'R Êban, bị cáo có vợ là H M Niê và có 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại – Bị cáo có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Xuân Th, sinh năm 1992; có mặt;
 - Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1973; có mặt;
 - Bà Đào Thị L, sinh năm 1989; vắng mặt;
- Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã C , huyện K, tỉnh Đắk Lắk,
- Ông Võ Ch, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã C , huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;
 - Bà Niê Thanh Tr, sinh năm 1977; có mặt;
 - Ông Mùa A T, sinh năm 1979; vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Buôn Cư, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
- Ông Dương Văn H, sinh năm 1994; vắng mặt.
 - Ông Sùng Seo Ch, sinh năm 1982; vắng mặt.
- Cùng Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
- Ông Bùi Văn S, sinh năm 1971. địa chỉ: Buôn Chàm B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
 - Ông Y H Êban, sinh năm 1985; địa chỉ: Buôn B, xã C , huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
 - Ông Y Th Niê, sinh năm 1988; vắng mặt.
 - Ông Lữ Thành N, sinh năm 1984; vắng mặt;
 - Ông Y Tr Niê, sinh năm 1961; vắng mặt;
- Cùng địa chỉ: Buôn Chàm A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk,
- Ông Hồ Chí L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
 - Ông Đinh Văn L, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;
 - Ông Vũ Đức Nh, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2016 đến năm 2018, cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C đã phát hiện, bắt giữ 04 vụ vận chuyển lâm sản trái phép. Sau đó, các ông: Nguyễn Văn Tr (Chủ tịch UBND xã C), Y N Êban (Phó Trưởng Công an xã C), Trần Văn H2 (Trưởng Công an xã C) và Y D Êban (Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã C) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ để làm trái công vụ, xử lý không đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng đầu năm 2016 (không rõ ngày, tháng), Y N Êban cùng với Trần Xuân Th (là Công an viên thường trực xã C) và Trần Thế T (là Công

chức văn hóa xã C) đi kiểm tra các quán Internet trên địa bàn thì phát hiện tại đường liên thôn thuộc thôn 2, xã C có các đối tượng gồm: Sùng Seo Ch, Giàng Seo C và Dương Văn H đang sử dụng xe máy cày độ chế vận chuyển trái phép 80 trụ gỗ (loại trụ gỗ có chiều dài khoảng từ 360cm – 380cm, đường kính từ 10cm – 15cm, thường được sử dụng để trồng tiêu). Lúc đó, Y N đã gọi điện báo cáo cho Nguyễn Văn Tr, thì Tr đã chỉ đạo Y N đưa tang vật, phương tiện về trụ sở UBND xã để tiếp tục xử lý. Sau khi đưa xe về xã, ngay trong đêm hôm đó, Tr chỉ đạo lực lượng Công an xã C cho các đối tượng vi phạm đổ 80 trụ gỗ xuống sân của UBND xã, rồi cho xe máy cày độ đi về. Quá trình phát hiện, xử lý không lập biên bản và không thiết lập hồ sơ xử lý. Khoảng 01 tuần sau, Tr đưa cho Y N 2.000.000đ và chỉ đạo Y N dùng số tiền này để thuê người và phương tiện vận chuyển 80 trụ gỗ nói trên ra khỏi trụ sở UBND xã C đưa về đổ tại vườn của anh Trần Bá S (là em rể của Tr). Sau đó, Y N đã đưa cho Đinh Văn Khét và Y B Niê số tiền 1.000.000đ để thuê hai người này bốc số trụ gỗ nói trên; Y N đưa 1.000.000đ để thuê Bùi Văn S sử dụng xe máy cày độ chở số trụ gỗ nói trên nhưng S chỉ chở giúp mà không nhận tiền công, sau đó Y N sử dụng số tiền này vào việc cá nhân. K và Y B bốc 80 trụ gỗ tại sân UBND xã C lên xe máy cày độ của ông S xong thì ra về, còn S điều khiển xe máy cày độ đi trước, Y N điều khiển xe mô tô đi sau đến nhà ông S đổ 80 trụ gỗ xuống sân vườn nhà anh S. Do Tr được ông Đinh Văn L (Khi đó là Phó Chủ tịch UBND huyện K) nhờ mua giúp trụ trồng tiêu để sử dụng nên Tr đã gọi điện cho ông Đinh Văn L nói thuê người đưa phương tiện đến nhà anh S (theo hướng dẫn của Tr) để chở 80 trụ gỗ nói trên về cho ông Đinh Văn L. Sau đó, ông Đinh Văn L đã thuê người chở 80 trụ gỗ từ nhà anh S về trồng tiêu tại thôn 10, xã H, K. Ông L không biết 80 trụ gỗ nói trên là từ đâu mà có, hai lần ông L gặp Tr để hỏi và trả tiền mua số trụ tiêu nói trên nhưng Tr không lấy tiền. Đối với ông S và bà Nguyễn Thị H (vợ ông S) đã đồng ý cho Tr gửi 80 trụ gỗ nói trên tại sân vườn nhà mình nhưng không biết nguồn gốc số trụ gỗ này từ đâu mà có, cũng không biết sau đó ai đã đến chở số trụ gỗ này đi, chở đi đâu và dùng vào mục đích gì. Đến ngày 29/01/2021, ông Đinh Văn L đã tự nguyện giao nộp 80 trụ gỗ nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Hiện nay, số trụ gỗ nói trên đang được tạm giữ tại Kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Về số lượng trụ gỗ trong vụ việc nói trên, một số người khai nhận có 83 trụ, một số người khác lại khai nhận có 80 trụ. Cơ quan Cảnh sát điều tra căn cứ vào quy định có lợi cho người phạm tội, lấy số lượng 80 trụ để làm căn cứ xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐ ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Giá trị của 80 trụ gỗ nói trên vào thời điểm vụ việc xảy ra có tổng giá trị là 10.400.000đ.

Đối với xe máy cày độ chế là phương tiện mà các ông: H, Ch và C sử dụng để vận chuyển trái phép 80 trụ gỗ trong vụ việc nói trên thuộc sở hữu của ông Ch,

sau khi vụ việc xảy ra được một thời gian, ông Ch đã bán chiếc xe trên cho một người không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 130.000.000đ nên không thu giữ được.

Vụ thứ hai: Vào khoảng đầu năm 2016 (không rõ ngày, tháng), sau khi phát hiện vụ việc thứ nhất được khoảng 03 ngày, Y N Êban cùng với Trần Xuân Th đi tuần tra đêm trên đường liên thôn thuộc thôn 2, xã C thì phát hiện ông Dương Văn H cùng với con trai là Dương Văn H1 điều khiển xe máy cày độ chế vận chuyển trái phép 50 trụ gỗ (mỗi trụ gỗ có chiều dài từ 360cm – 380cm, đường kính từ 10cm – 15cm, thường được sử dụng để trồng tiêu) nên đã gọi điện báo cáo cho Nguyễn Văn Tr và được Tr chỉ đạo đưa tang vật, phương tiện vi phạm về trụ sở UBND xã C. Sau đó, Tr chỉ đạo Y N cho ông H đổ 50 trụ gỗ nói trên xuống sân UBND xã rồi cho xe máy cày đi về. Quá trình phát hiện, xử lý không lập biên bản và không thiết lập hồ sơ xử lý. Sau đó, Y N nói với Tr là mình có nguyện vọng sử dụng 50 trụ gỗ nói trên, nên được Tr đồng ý bán “thanh lý” cho Y N với số tiền là 4.000.000đ. Số tiền này sau đó được Tr chỉ đạo chi hết để mua cây cảnh về trồng tại trụ sở UBND xã C. Đối với 50 trụ gỗ nói trên, sau khi đưa về nhà, Y N đã sử dụng trồng tiêu, đến năm 2018 do tiêu bệnh chết nên Y N đã nhổ hết số trụ gỗ này đem đốt. Tuy nhiên, trong giai đoạn giải quyết tin báo về tội phạm, khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông yêu cầu giao nộp 50 trụ gỗ đã mua “thanh lý” từ UBND xã C, Y N đã đến nhà Tr và được Tr đưa 4.000.000đ, Y N sử dụng hết số tiền này cùng với Th đến nhà Trần Thị H (Sinh năm: 1986, trú tại: Thôn 2, C, K) mua 41 trụ gỗ sau đó nhờ Hà Văn Ph (trú tại: Thôn E, xã C, K) sử dụng xe máy cày chở số trụ gỗ này về giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra vào ngày 27/5/2019 và khai nhận đây là số trụ gỗ còn lại từ 50 trụ gỗ mua “thanh lý” từ UBND xã C trong vụ việc nói trên.

Về số lượng trụ gỗ trong vụ việc nói trên, một số người khai nhận có 53 trụ, một số người khác lại khai nhận có 50 trụ. Cơ quan Cảnh sát điều tra căn cứ vào quy định có lợi cho người phạm tội, lấy số lượng 50 trụ để làm căn cứ xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐ ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 50 trụ gỗ nói trên vào thời điểm vụ việc vi phạm xảy ra có tổng giá trị là 6.500.000đ.

Đối với xe máy cày độ chế do ông H và ông H1 sử dụng để vận chuyển trái phép 50 trụ gỗ thuộc sở hữu của ông H. Sau khi vụ việc trên xảy ra, ông H đã bán chiếc xe này cho một người không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 50.000.000đ nên không thu giữ được.

Đối với 02 vụ thu giữ trụ gỗ dạng trụ trồng tiêu (vụ thứ nhất và vụ thứ hai như đã nêu trên) sau khi Tr đã đồng ý “bán thanh lý” 50 trụ gỗ cho Y N và cho ông Đinh Văn L 80 trụ gỗ thì Tr mới báo cáo trong hội ý sau cuộc họp của Ban Thường vụ khoảng đầu năm 2016. Nội dung báo cáo của Tr không rõ ràng, chỉ nói UBND

xã C có thu giữ các trụ gỗ dạng trụ trồng tiêu, Y N xin mua lại và thấy Y N có hoàn cảnh khó khăn, có nhiều nỗ lực trong công tác nên đã thanh lý số trụ gỗ này cho Y N. Các thành viên Ban Thường vụ xã gồm các ông: Võ Ch (Bí thư Đảng ủy xã C), Trịnh Văn H (Chủ tịch Mặt trận xã C), Y D Êban (Phó Bí thư, Chủ Hội đồng nhân dân xã C) và bà Niê Thanh Tr (Phó Bí thư Đảng ủy xã C) đã thống nhất với cách xử lý như Tr đã báo cáo, không ai phản đối gì. Các ông: Ch, H, Y D và bà Tr không biết UBND xã C thu giữ được bao nhiêu trụ gỗ, từ bao nhiêu vụ việc và không biết nội dung việc Tr tự ý lấy 80 trụ gỗ cho ông Đinh Văn L.

Vụ thứ ba: Vào khoảng cuối năm 2016 (không rõ ngày, tháng), Y N Êban cùng với Trần Xuân Th phát hiện vụ tập kết trái phép 07 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Ké nhưng không xác định được chủ sở hữu tại khu vực đầu nguồn nước sạch, buôn Cur D, xã C nên gọi điện báo cáo cho Trưởng Công an xã C là Trần Văn H2. Sau đó, H2 cùng với Nguyễn Xuân H3 (Cán bộ Đội xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc Công an huyện Krông Bông) đến khu vực tập kết gỗ trái phép. H2 trực tiếp thuê phương tiện vận chuyển 07 lóng gỗ Ké nói trên về sân của tòa nhà khối đoàn thể xã C (đối diện trụ sở UBND xã C). Quá trình kiểm tra, phát hiện không lập biên bản và không thiết lập hồ sơ xử lý.

Khi các lóng gỗ Ké vẫn còn trong sân tòa nhà khối đoàn thể xã C thì trong một buổi hội ý sau cuộc họp của Ban Thường vụ Đảng ủy xã (không nhớ rõ thời gian cụ thể), Tr có báo cáo nội dung Công an xã C thu giữ được 04 lóng gỗ Ké (thực chất là 07 lóng) vô chủ tại buôn Cur D và đề xuất đưa 02 lóng gỗ đi tiện lục bình về trưng bày tại trụ sở UBND xã làm kỷ niệm, 02 lóng còn lại cho thợ tiện để trả tiền công. Các thành viên Ban Thường vụ xã gồm các ông: Võ Ch, Trịnh Văn H, Y D Êban và bà Niê Thanh Tr đã thống nhất với cách xử lý như Tr đã báo cáo, không ai phản đối gì. Các ông: Ch, Hùng, Y D, bà Tr không biết cụ thể Công an xã C thu giữ tổng cộng bao nhiêu lóng gỗ Ké và việc thu giữ có đúng quy định của pháp luật hay không.

Khoảng 01 tuần sau, Tr gọi Vũ Đức Nh là Thợ tiện lục bình gỗ đến sân tòa nhà khối đoàn thể xã C để xem gỗ, sau khi quan sát, Nh nói với Tr rằng trong số gỗ Ké mà UBND xã thu về chỉ có 04 lóng tiện được thành lục bình. Sau đó, Tr đã nhờ Bùi Văn S dùng xe máy cày chở 04 lóng gỗ Ké này đến cơ sở tiện lục bình của Nh tại xã Y, huyện K. Trong 04 lóng gỗ Ké nói trên, 02 lóng đã tiện lục bình xong và được Tr đưa về sử dụng trưng bày tại trụ sở UBND xã C, 02 lóng còn lại Tr đã cho Nh coi như thanh toán tiền công tiện. Ngày 27/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 02 lục bình bằng gỗ Ké trưng bày tại trụ sở UBND xã C (hiện đang tạm giữ tại Kho vật chứng Công an huyện Krông Bông); 02 lóng gỗ Ké mà Tr đã cho Nh để trả tiền công, sau đó đã được Nh đưa cho một người không rõ nhân thân, lai lịch

để thanh toán tiền nợ nên chưa thu giữ được; 03 lóng gỗ Ké còn lại đã thất lạc nên chưa thu giữ được.

Về tang vật là 07 lóng gỗ Ké, những người có liên quan khai nhận không đồng bộ về kích thước từng lóng gỗ nhưng cơ bản số liệu khai nhận gần tương tự nhau, Cơ quan Cảnh sát điều tra căn cứ vào quy định có lợi cho người phạm tội xác định quy cách của 07 lóng gỗ Ké này như sau: Cả 07 lóng gỗ đều có đường kính 50cm, trong đó có 04 lóng dài 160cm, 02 lóng dài 120cm và 01 lóng dài 80cm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐ ngày 12/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 07 lóng gỗ Ké nói trên tại thời điểm vụ việc xảy ra có tổng giá trị là 8.100.000đ.

Vụ thứ tư: Vào buổi tối ngày 26/8/2018, Tr chỉ đạo Xã đội trưởng là anh Y H Êban đưa lực lượng xã đội đi bắt giữ 01 xe ô tô loại 12 chỗ ngồi biển kiểm soát 53L-6762 do ông Từ Đức T (Sinh năm: 1963, trú tại: Thôn Ea L, Cư D) điều khiển vận chuyển trái phép 03 tấm gỗ Pơ Mu, nhóm IIA, tổng khối lượng quy ra gỗ tròn 1,512m³ (mỗi tấm rộng 70cm, cao 15cm, dài 300cm), sau đó đưa toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm về trụ sở UBND xã C. Quá trình phát hiện, bắt giữ vụ việc không lập biên bản và không thiết lập hồ sơ xử lý. Sáng ngày hôm sau, Tr chỉ đạo Trần Văn H2 (Trưởng Công an xã C) mời ông T lên làm việc để xử phạt và tịch thu 03 tấm gỗ Pơ Mu vi phạm, H2 gửi giấy mời ông T đến để làm việc nhưng ông T không chấp hành, H2 gọi điện cho ông T nhưng ông T không bắt máy. Sau đó, ông T chủ động gọi điện cho H2, qua điện thoại lúc thì ông T thừa nhận hành vi vi phạm, lúc thì không thừa nhận. Khoảng 05 ngày sau khi tiếp nhận vụ việc, H2 gặp Tr báo cáo lại việc ông T không đến làm việc thì Tr nói với H2 rằng cứ gọi điện cho ông T lên trả xe ô tô vi phạm cho ông T, tịch thu 03 tấm gỗ Pơ Mu, xử lý vi phạm hành chính đối với ông T và yêu cầu ông T không tái phạm. Sau đó, H2 gọi điện cho ông T đến trụ sở UBND xã C để làm việc. H2 yêu cầu ông T bốc 03 tấm gỗ Pơ Mu từ xe ô tô biển kiểm soát 53L-6762 xuống sân UBND xã C và cho ông T lấy xe ô tô này ra về, không lập biên bản, hồ sơ gì và không xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T.

Khoảng 01 tháng sau, Y D Êban nói với Tr là có nhu cầu sử dụng 03 tấm gỗ này nên tại cuộc hội ý sau cuộc họp của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, Tr xin ý kiến thanh lý cho Y D với số tiền 15.000.000đ, các thành viên Ban Thường vụ xã gồm các ông: Võ Ch, Y D Êban, Trịnh Văn H và bà Niê Thanh Tr đều đồng ý giao cho UBND xã C thanh lý cho Y D. Sau đó, Y Dc ho rằng gỗ bị nứt nên chỉ đưa cho Y H số tiền 1.500.000đ hỗ trợ cho lực lượng xã đội vì đã có công đi bắt giữ 03 tấm gỗ Pơ Mu nói trên và số tiền này được Y H sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Sau này, Y D đã bán 03 tấm gỗ này cho một người không rõ nhân thân, lai lịch (theo Y D khai bán với giá 3.000.000đ) không thu giữ được. Ngày 24/5/2019,

Y H đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000đ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Ngày 27/5/2019, Y D đã đưa số tiền 1.500.000đ nhờ bà H T Niê giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Xác định đây là tiền thu lợi bất chính từ hành vi bán 03 tấm gỗ trái pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐ ngày 15/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, 03 tấm gỗ này tại thời điểm vụ việc xảy ra có tổng giá trị 33.000.000 đồng.

Đối với phương tiện vi phạm là xe ô tô du lịch biển kiểm soát 53L-6762, Ngày 10/12/2018, Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia Ch bắt giữ chiếc xe có đặc điểm như trên về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép nhưng không xác định được chủ phương tiện. Giá trị của xe ô tô du lịch biển kiểm soát 53L-6762 theo biên bản định giá ngày 11/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản do Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk thành lập là 10.464.000đ. Ngày 23/5/2019, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk bán đấu giá chiếc xe trên cho Mai Xuân Ch (Sinh năm: 1989, trú tại: Buôn Chàm A, C, huyện K). Sau đó, Ch bán lại chiếc xe này cho một người không rõ nhân thân, lai lịch.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Y N Êban, Trần Văn H2 và Y D Êban phạm tội: *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/12/2020 đến ngày 05/02/2021.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y N Êban 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn H2 và bị cáo Y D Êban mỗi bị cáo 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2021, bị cáo Y N Êban có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 15/9/2021, bị cáo Nguyễn Văn Tr kháng cáo với nội dung: Không đồng ý kết luận định giá tài sản về giá trị số trụ tiêu, vì hành vi xảy ra theo ngày lập biên bản tháng 8/2015 chứ không phải là năm 2016, giá trị số trụ tiêu năm 2015 khoảng

80.000đ/trụ, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại; xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo Điều 356 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Tr về thời gian xảy ra vụ việc năm 2015 và kháng cáo về việc bị cáo không phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo Điều 356 BLHS là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo Tr ; 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đối với bị cáo Y N mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt là thỏa đáng, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Tr cho rằng, thời điểm xảy ra vụ việc là tháng 8/2015 vì biên bản lập ngày 17/8/2015 chứ không phải là năm 2016 như bản Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố, đồng thời bị cáo không vụ lợi cá nhân. Do đó, đề nghị HĐXX hủy Bản án sơ thẩm để định giá lại. Đồng thời, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Y N Êban không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; cơ bản phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ năm 2016 đến năm 2018, cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân xã C đã phát hiện, bắt giữ 04 vụ vận chuyển lâm sản trái phép. Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn Tr (Chủ tịch UBND xã C), Y N Êban (Phó Trưởng Công an xã C), Trần Văn H2 (Trưởng Công an xã C) và Y D Êban (Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã C) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ để làm trái công vụ, xử lý không đúng quy định của pháp luật, tổ chức bắt và thu giữ lâm sản bốn vụ gây thiệt hại Nhà nước tổng giá trị tài sản 58.000.000đ. Trong cả bốn vụ án nêu trên, bị cáo

Nguyễn Văn Tr đã trực tiếp chỉ đạo các bị cáo khác làm trái công vụ, gây thiệt hại tổng giá trị tài sản 58.000.000 đồng, trong đó có hai vụ giá trị thiệt hại trên 10.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng đúng người đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo Y N tham gia hai vụ, sau khi phát hiện vụ việc vi phạm, bị cáo Y N Êban đã nghe chỉ đạo của bị cáo Tr, vận chuyển phương tiện cùng tang vật vi phạm về trụ sở UBND xã và không lập biên bản, không lập hồ sơ xử lý vi phạm, đồng thời xử lý tang vật và phương tiện vi phạm không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại 10.400.000 đồng đối với vụ án thứ nhất và thiệt hại 6.500.000 đồng đối với vụ án thứ hai, ngoài ra bị cáo đã nhận tài sản thanh lý mà biết rõ là trái công vụ. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Y N Ê ban phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo

[2.1] Xét kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm của bị cáo Tr, HĐXX thấy: Căn cứ lời khai của các bị cáo trong cùng vụ án, lời khai của chính bị cáo Tr, lời khai của Dương Văn H, Trần Xuân Th, Trần Thế Tôn, Bùi Văn S, ông Đình Văn K, Y B Niê, Nguyễn Thị H, các thành viên trong ban thường vụ Đảng ủy xã C gồm ông Ch, bà Niê Thanh Tr, ông H, đủ căn cứ xác định thời điểm cán bộ xã C bắt và thu giữ 80 trụ gỗ của anh Chảo, 50 trụ gỗ của ông H đều xảy ra đầu năm 2016. Bị cáo Tr chỉ căn cứ biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 17/8/2015 để yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, yêu cầu định giá lại các trụ gỗ vào thời điểm năm 2015 là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Tr và bị cáo Y Na, HĐXX thấy: Tại khoản 1, 5 Điều 3 của nghị quyết 02/2018/NQ_HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, về án treo quy định:

Điều 3. Những trường hợp không cho hưởng án treo

“1. Người phạm tội là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tính chất chuyên nghiệp, ***lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi***, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

5. ***Người phạm tội nhiều lần, trừ trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi***”.

Xét, các bị cáo đều có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, ngoài ra, bị cáo Tr phạm tội nhiều lần. Đây là những trường hợp không được hưởng án treo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Xét mức hình phạt 03 năm tù mà Bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Tr là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra. Khi quyết định hình phạt Bản án sơ thẩm đã xem xét, căn nhắc đến tính chất, vai trò của bị cáo. Trong cả 04 vụ việc, bị cáo Tr đều có vai trò chỉ đạo cấp dưới xử lý vi phạm không đúng quy định, tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và áp dụng thêm Điều 54 của BLHS để quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 5.345.000đ theo quyết định phân trách nhiệm dân sự của Bản án sơ thẩm, thể hiện bị cáo khắc phục phần thiệt hại còn lại. Đây là tính tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tr .

Xét mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Y N Êban là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: Bị cáo tham gia xử lý 2 vụ bắt giữ gỗ trong đó có một vụ gây thiệt hại trên 10.000.000đ, hành vi phạm tội của bị cáo theo sự chỉ đạo của bị cáo Tr là cấp trên của bị cáo, bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS nên cần được áp dụng thêm Điều 54 của BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Y Na, giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

[3] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Tr và bị cáo Y N Êban.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Y N Êban không chịu án phí hình sự phúc thẩm,

[5]. Ngoài ra, trong cùng vụ án còn có các bị cáo Trần Văn H2 và Y D Êban, mỗi bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị. Xét thấy, Bản án sơ thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 3 của nghị quyết 02/2018/NQ_HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, về án treo. Do đó, cần kiến nghị VKSND cấp cao, TAND cấp cao tại Đà Nẵng, VKSND Tối cáo, TAND Tối cao kháng nghị hủy một phần Bản án sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện

Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn H2 và Y D Êban để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Tr và bị cáo Y N Êban, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/12/2020 đến ngày 05/02/2021.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y N Êban 09 (Chín) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Y N Êban không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Kiến nghị VKSND cấp cao, TAND cấp cao tại Đà Nẵng, VKSND Tối cao, TAND Tối cao kháng nghị hủy một phần Bản án sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn H2 và Y D Êban để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- VKSND huyện Krông Bông;
- Công an huyện Krông Bông;
- CC THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền